

CÁC CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN TRẺ DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ TRẺ CÓ HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN

Công ước về quyền trẻ em cũng đã mở đường cho việc tăng cường bảo vệ trẻ em theo quan điểm hệ thống, bảo đảm cho trẻ em quyền được bảo vệ, không bị xâm hại, xao nhãng, bạo lực, bóc lột và phân biệt đối xử. Trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa, Việt Nam đã có một số đổi mới trong chính sách phát triển xã hội liên quan đến bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em DTTS và trẻ có HCKK nhằm cải thiện môi trường sống an toàn, lành mạnh, thân thiện, công bằng đối với tất cả trẻ em bắt đầu từ lứa tuổi mầm non.

Trong Mô đun lần trước, chúng ta cũng đã tìm hiểu nhiều các chính sách văn bản có liên quan đến giáo dục mầm non cho trẻ DTTS và trẻ có HCKK. Mô đun lần này chỉ tập trung vào những văn bản chưa được đề cập và cập nhật thêm những văn bản mới.

Hệ thống chính sách, chương trình trợ giúp xã hội đối với trẻ em gồm:

- (1) Hỗ trợ nuôi dưỡng, chăm sóc thay thế bằng tiền mặt để duy trì mức sống tối thiểu;
- (2) Trợ giúp tiếp cận giáo dục;
- (3) Trợ giúp tiếp cận y tế, chỉnh hình, phục hồi chức năng;
- (4) Trợ giúp học nghề, tạo việc làm;
- (5) Trợ giúp tiếp cận công trình công cộng;
- (6) Trợ giúp các hoạt động văn hóa;
- (7) Trợ giúp đột xuất khác

Đối hệ thống giáo dục mầm non, có các chính sách văn bản bản phù hợp (chưa được đề cập từ lần trước) như:

stt	Văn bản	Mục tiêu/ đối tượng hưởng lợi
1	CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI	
1.1	<u>Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội</u> <u>Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/02/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định 67</u> <u>Quyết định số 38/2004/QĐ-TTg ngày 17/3/2004 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách trợ giúp kinh phí cho gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi và trẻ em bị bỏ rơi</u>	gồm 7 nhóm đối tượng liên quan đến trẻ em: - Trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi, mất nguồn nuôi dưỡng thuộc hộ gia đình nghèo - Trẻ em khuyết tật nặng, - Trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng, - Hộ gia đình có NKT đặc biệt nặng, - Trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ gia đình nghèo, - Người nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi,(7) Người đơn thân hộ nghèo, đang nuôi con nhỏ dưới 16 tuổi. - Mức trợ cấp: cho trẻ em 180.000 – 270.000 – 360.000/em/tháng tùy theo từng loại đối tượng, độ tuổi; cho gia đình nuôi dưỡng 270.000 – 360.000 – 450.000 – 540.000 đồng/tháng tùy theo từng loại đối tượng; sống trong các cơ sở bảo trợ xã hội 360.000 - 450.000 đồng/em/tháng tùy theo từng đối tượng, độ tuổi Ngoài ra, được cấp thẻ bảo hiểm y tế và hưởng thêm các khoản trợ giúp như: các đối tượng học văn hoá, học nghề được miễn, giảm học phí, được cấp sách, vở, đồ dùng học tập theo quy định của pháp luật; khi chết được hỗ trợ kinh phí mai táng. Các đối tượng ở cơ sở bảo trợ xã hội của Nhà nước, ngoài các khoản trợ giúp trên còn được trợ cấp để mua sắm tư trang, vật dụng phục vụ cho sinh hoạt đời sống thường ngày; trợ cấp để mua thuốc chữa bệnh thông thường; riêng người nhiễm HIV/AIDS được hỗ trợ điều trị nhiễm trùng cơ hội... khi chết được mai tang phí.

2	CHÍNH SÁCH CHĂM SÓC SỨC KHỎE	
2.1	Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008; Nghị định số 62/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ Quyết định số 797/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2012	Nhà nước đóng bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi trong đó có trẻ mồ côi, bỏ rơi, khuyết tật ...và được chi trả 100% chi phí khám, chữa bệnh theo quy định của Bảo hiểm y tế. Trẻ em được hưởng trợ cấp xã hội; trẻ em thuộc hộ gia đình nghèo; người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn được nhà nước mua thẻ bảo hiểm y tế và được hưởng 95% chi phí khám bệnh, chữa bệnh phần còn lại do người bệnh tự thanh toán với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Nâng mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo, Trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS thuộc hộ cận nghèo được nhà nước hỗ trợ tối thiểu bằng 70% mức đóng bảo hiểm y tế (theo chuẩn nghèo quốc gia)
2.2.	Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS)	Nhà nước có chính sách hỗ trợ phòng, chống lây nhiễm HIV từ mẹ sang con, nuôi dưỡng trẻ em dưới 6 tháng tuổi sinh ra từ người mẹ nhiễm HIV bằng sữa thay thế. - Phụ nữ mang thai tự nguyện xét nghiệm HIV được miễn phí. - Phụ nữ nhiễm HIV được tạo điều kiện tiếp cận các biện pháp dự phòng lây nhiễm HIV từ mẹ sang con. - Phụ nữ nhiễm HIV trong thời kỳ mang thai, cho con bú được tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS. - Cơ sở y tế có trách nhiệm theo dõi, điều trị và thực hiện các biện pháp nhằm giảm sự lây nhiễm HIV từ mẹ sang con cho phụ nữ nhiễm HIV trong thời kỳ mang thai. - Ưu tiên cấp miễn phí cho trẻ em từ đủ 6 tuổi đến dưới 16 tuổi nhiễm HIV được sử dụng thuốc kháng HIV do ngân sách nhà nước chi trả, thuốc do tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tài trợ tại các cơ sở điều trị HIV/AIDS.
2.3	Quyết định số 1019/QĐ-TTg về Phê duyệt Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012 – 2020	Hằng năm 70% người khuyết tật tiếp cận các dịch vụ y tế dưới các hình thức khác nhau; 70% trẻ em từ sơ sinh đến 6 tuổi được sàng lọc phát hiện sớm khuyết tật bẩm sinh, rối loạn phát triển và được can thiệp sớm các dạng khuyết tật; khoảng 60.000 trẻ em và người khuyết tật được phẫu thuật chỉnh hình, phục hồi chức năng và cung cấp dụng cụ trợ giúp phù hợp;
3	CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC	
3.1.	Thông tư số 39/2009/TT-BGDĐT ngày 29/12/2009 của Bộ Giáo dục – Đào tạo ban hành quy định giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn	Tất cả các trẻ có hoàn cảnh khó khăn có quyền nhập học tại các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân. - Tuổi đi học của trẻ em có hoàn cảnh khó khăn có thể cao hơn tuổi quy định. - Được quan tâm giúp đỡ và cung cấp thông tin; được tôn trọng và đối xử bình đẳng trong học tập và trong các hoạt động khác. - Được học tập phù hợp với trình độ, năng lực cá nhân; được giúp đỡ đặc biệt để đạt được các kỹ năng cần thiết trong học tập và sinh hoạt (nếu cần). - Trẻ em có hoàn cảnh khó khăn không thể đáp ứng yêu cầu của môn học, hoặc hoạt động giáo dục thì người đứng đầu cơ sở giáo dục quyết định việc miễn, giảm môn học, hoạt động giáo dục đó. - Được xét miễn, giảm học phí và các khoản đóng góp khác; được cấp sách giáo khoa, học phẩm, hỗ trợ sinh hoạt khác theo quy định của Nhà nước. Tất cả các trẻ có hoàn cảnh khó khăn có quyền nhập học tại các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân. - Tuổi đi học của trẻ em có hoàn cảnh khó khăn có thể cao hơn tuổi quy định. - Được quan tâm giúp đỡ và cung cấp thông tin; được tôn trọng và đối xử bình đẳng trong học tập và trong các hoạt động khác. - Được học tập phù hợp với trình độ, năng lực cá nhân; được giúp đỡ đặc biệt để đạt được các kỹ năng cần thiết trong học tập và sinh hoạt (nếu cần). - Trẻ em có hoàn cảnh khó khăn không thể đáp ứng yêu cầu của môn học, hoặc hoạt động giáo dục thì người đứng đầu cơ sở giáo dục quyết định việc miễn, giảm môn học, hoạt động giáo dục đó. - Được xét miễn, giảm học phí và các khoản đóng góp khác; được cấp sách giáo khoa, học phẩm, hỗ trợ sinh hoạt khác theo quy định của Nhà nước.

3	CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC	
3.2.	Quyết định số 2123/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2010 phê duyệt Đề án Phát triển giáo dục đối với các dân tộc rất ít người giai đoạn 2010 - 2015	Hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù cho trẻ em, học sinh, sinh viên các dân tộc rất ít người. Bảo đảm: 95% trẻ mẫu giáo 3-5 tuổi dân tộc rất ít người được học 2 buổi/ngày theo Chương trình giáo dục mầm non mới tại các trường, lớp mẫu giáo thôn bản công lập; 100% học sinh dân tộc rất ít người cấp tiểu học được học tại các điểm trường ở thôn bản và ở các trường phổ thông dân tộc bán trú;...
3.3.	Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật	Đã quy định về ưu tiên nhập học. Theo đó, người khuyết tật được nhập học ở độ tuổi cao hơn so với quy định chung là 3 tuổi.
3.4.	Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 05 năm 2014 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/ 5/2010 của chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 -2011 đến năm học 2014 – 2015 và Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP	Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 49 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015 và Nghị định 74 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015. Thông tư này áp dụng đối với tất cả các loại hình nhà trường ở các cấp học và trình độ đào tạo và cơ sở giáo dục khác của hệ thống giáo dục quốc dân. Thông tư này áp dụng đối với: - Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế (Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa; Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ cận nghèo) - Trẻ em bị bỏ rơi, mất nguồn nuôi dưỡng; trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại là mẹ hoặc cha mất tích hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật; trẻ em có cha và mẹ hoặc cha hoặc mẹ đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù tại trại giam, không còn người nuôi dưỡng; - Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo; - Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông là con của hạ sĩ quan và binh sĩ, chiến sĩ đang phục vụ có thời hạn trong lực lượng vũ trang nhân dân.
3.5.	Thông tư số: 48 /2011/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 10 năm 2011 Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non	Thông tư này quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non, bao gồm: thời gian làm việc, thời gian nghỉ hằng năm, quy định về giờ dạy, chế độ giảm giờ dạy và quy đổi một số hoạt động chuyên môn khác ra giờ dạy Thông tư này áp dụng đối với giáo viên trực tiếp giảng dạy, giáo viên làm công tác quản lý ở các trường mầm non, trường mẫu giáo, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

Trên đây là một số chính sách văn bản giúp cho cán bộ quản lý biết để tìm hiểu và vận dụng tốt những chế độ, quyền lợi cho trẻ mầm non DTTS và trẻ em có HCKK; những chế độ chính sách cho giáo viên mầm non.